TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **576**/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 củ Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nhiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 639/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1985.

+ Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Nhà không số thuộc tổ 43, khu phố 4B, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Duy P tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào năm 2005. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đề nghị Tòa án công nhận thuận thình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 07/10/2006 và Nguyễn Đức A1, sinh ngày 22/7/2016. Ly hôn ông, bà thỏa thuận giao cháu Đức A1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Duy A cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Hôn nhân và gia đình - ST: Bà T, ông P phải chịu 300.000đ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Duy P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A1, sinh ngày 22/7/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 07/10/2006 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà T, ông P vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà T, ông P1 có quyền thăm nom con; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác:

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T, ông P phải chịu 300.000đ lệ phí. Số tiền này được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0004567 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu: hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Xuân